

# xiànzài

now / at present / at the moment / modern / current / nowadays 現在

现 玉王王 + 4 = 8 xiàn 現  
在 土 + 3 = 6 zài (see page 3 for detailed strokes)

现在

现  
1 2 3 4 5 6 7 8

1 2 3 4 5 6  
7 8  
现 现 现 现 现 现  
现 现 现 现 现 现  
现 现

在  
1 2 3 4 5 6

现 现  
现在 现在 现在 现在  
现在 现在 现在 现在

现

现在 现在 现在

在

现在 xiànzài — now / at present / at the moment / modern / current / nowadays 現在

现在  
xiànzài